

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/KDTM-ST  
Ngày: 06 – 4 – 2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Tình Thanh Phước

Bà Cao Kim Triều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 205/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 482/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 965/2021/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH Quốc tế F (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 80 đường Trần C, phường TTD, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Triệu Thanh G, sinh năm 1991 – nhân viên công ty là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2020) (Có đơn xin vắng mặt).

*Bị đơn:* Công ty TNHH Tập đoàn JH

Địa chỉ: Số 24-26 đường HTM, phường NTB, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Lý Quang P, sinh năm 1978; địa chỉ: Phòng 502, số 248 – 250 đường C, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020) (Có đơn xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Quốc tế F (Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/12/2019, nguyên đơn là Công ty TNHH Quốc tế F Việt Nam và bị đơn là Công ty TNHH Tập Đoàn JH đã ký với nhau 08 hợp đồng mua bán máy móc hàng hóa với nội dung: nguyên đơn có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa là các trang thiết bị, máy móc cho bị đơn theo đúng chủng loại, số lượng mà bị đơn yêu cầu theo hợp đồng hoặc tin nhắn đặt hàng, cũng như thực hiện một số dịch vụ kiểm tra, sửa chữa máy móc theo yêu cầu của bị đơn, cụ thể:

Hợp đồng số 091\_2019/HĐBH\_TOOCHA NGUYỄN HUỆ ngày 17/10/2019;

Hợp đồng số 116\_2019/HĐBH\_TOOCHA TÔN THẤT TÙNG ngày 19/12/2019;

Hợp đồng số 102\_2019/HĐBH\_TOOCHA ARTEMIS HÀ NỘI ngày 19/11/2019;

Hợp đồng số 105\_2019/HĐBH\_TOOCHA SÓC TRĂNG ngày 29/11/2019;

Hợp đồng số 104\_2019/HĐBH\_TOOCHA BUÔN MA THUẬT ngày 29/11/2019;

Hợp đồng số 098\_2019/HĐBH\_TOOCHA LONG AN ngày 06/11/2019;

Hợp đồng số 089\_2019/HĐBH\_TOOCHA ngày 10/10/2019;

Hợp đồng số 097\_2019/HĐBH\_TOOCHA BIÊN HÒA ngày 04/11/2019

Tổng giá trị theo 08 hợp đồng cùng các tin nhắn yêu cầu giao hàng và dịch vụ theo yêu cầu đã thực hiện là 1.793.154.000 đồng. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ khi nguyên đơn hoàn thành cung cấp, lắp đặt hàng hóa hoặc hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu của bị đơn.

Nguyên đơn đã thực hiện và hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng và yêu cầu giao hàng, dịch vụ từ bị đơn (có biên bản bàn giao hàng hóa và phiếu hoàn thành dịch vụ có ký xác nhận giữa hai bên). Nguyên đơn cũng đã bàn giao đầy đủ các hóa đơn tài chính, và gửi đề nghị thanh toán cho bị đơn sau mỗi lần hoàn thành bàn giao, lắp đặt hàng hóa và dịch vụ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 887.997.000 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán cho nguyên đơn là 905.157.000 đồng.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu, đôn đốc, tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình là đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận của các bên và xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

Tạm tính đến ngày 17/12/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 995.672.700 đồng, trong đó tiền gốc là 905.157.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 90.515.700 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo 08 hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên với tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/12/2020 là 995.672.700 đồng. Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty TNHH Tập đoàn JH có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Lý Quang P trình bày:*

Bị đơn và nguyên đơn có ký kết 08 hợp đồng mua bán hàng hóa cũng như việc cung cấp hàng hóa như phần trình bày của đại diện nguyên đơn. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 887.997.000 đồng. Bị đơn xác nhận số tiền còn nợ nguyên đơn tiền gốc là 905.157.000 đồng.

Vì tình hình kinh tế tài chính khó khăn, hiện nay bị đơn không có khả năng thanh toán một lần hết khoản nợ trên cho nguyên đơn, bị đơn đã đề xuất các phương án thanh toán nhưng nguyên đơn không đồng ý nên đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Ngoài ra đề nghị nguyên đơn không tính lãi đối với bị đơn, trường hợp phải tính lãi thì đề nghị áp dụng lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn về yêu cầu thanh toán tiền nợ chưa thanh toán theo các hợp đồng các bên đã ký. Bị đơn là pháp nhân có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn ký với nhau 08 hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng số 091\_2019/HĐBH\_TOOCHA NGUYỄN HUỆ ngày 17/10/2019; Hợp đồng số 116\_2019/HĐBH\_TOOCHA TÔN THẤT TÙNG ngày 19/12/2019; Hợp đồng số 102\_2019/HĐBH\_TOOCHA ARTEMIS HÀ NỘI ngày 19/11/2019; Hợp đồng số 105\_2019/HĐBH\_TOOCHA SÓC TRĂNG ngày 29/11/2019; Hợp đồng số 104\_2019/HĐBH\_TOOCHA BUÔN MA THUỘT ngày 29/11/2019; Hợp đồng số 098\_2019/HĐBH\_TOOCHA LONG AN ngày 06/11/2019; Hợp đồng số 089\_2019/HĐBH\_TOOCHA ngày 10/10/2019; Hợp đồng số 097\_2019/HĐBH\_TOOCHA BIÊN HÒA ngày 04/11/2019. Các bản hợp đồng có hình thức, nội dung không trái quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền còn thiếu của 8 hợp đồng mua bán hàng hóa với số tiền là 905.157.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện và hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng, các tin nhắn yêu cầu giao hàng, yêu cầu dịch vụ từ bị đơn. Theo các yêu cầu thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn cung cấp, bị đơn mới chỉ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 887.997.000 đồng, còn 905.157.000 đồng bị đơn chưa thanh toán. Căn cứ biên bản xác nhận công nợ số 0103-2020/FVN\_TOOCHA ngày 20/3/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng có lời khai xác nhận hiện còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 905.157.000 đồng. Như vậy, đủ căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ còn thiếu từ 08 hợp đồng mua bán với số tiền 905.157.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả là 90.515.700 đồng do vi phạm hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại thì trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng, thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác

thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Theo quy định tại Điều III của 08 hợp đồng, các bên thỏa thuận: Trường hợp chậm thanh toán bên A sẽ áp dụng mức lãi suất hàng tháng là 0.5%/ngày trễ hạn/tổng số tiền thanh toán muộn nhưng không quá 10% giá trị hợp đồng. Xét thấy nguyên đơn yêu cầu khoản lãi 10% giá trị hợp đồng là có lợi hơn cho bị đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả 90.515.700 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 995.672.700 đồng theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Quốc tế F (Việt Nam)

Buộc Công ty TNHH Tập Đoàn JH có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Quốc tế F Việt Nam tổng số tiền là 995.672.700 (Chín trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm) đồng, trong đó tiền gốc là 905.157.000 (Chín trăm linh năm triệu một trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, tiền lãi chậm trả là 90.515.700 (Chín mươi triệu năm trăm mười lăm ngàn bảy trăm) đồng theo 08 hợp đồng các bên đã ký. Việc thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ

luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tập Đoàn JH phải chịu 41.870.181 (Bốn mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn một trăm tám mươi một) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quốc tế F Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quốc tế F Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.577.355 (Mười chín triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0029675 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quốc tế F Việt Nam và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tập Đoàn JH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mạnh**